

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2022/DS-ST

Ngày: 29 – 7 – 2022

V/v “Tranh chấp giao dịch hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hứa Minh Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trường Hận

2. Bà Nguyễn Kim Lên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thêu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022, về “Tranh chấp giao dịch hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TrT, xã KH, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TrT, xã KH, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện ngày 26/3/2022, quá trình hòa giải vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Nguyễn Thị N làm chủ hui, có mở nhiều dây hui, bà là hui viên, có tham gia 03 chung hui trong 03 dây hui của bà N, cụ thể như sau:

Dây 1: Mở ngày 20/01/2018 âm lịch, loại hui 5.000.000đ, gồm 14 chung, sáu tháng khai 01 kỳ, bà tham gia 01 chung, đóng được 07 kỳ hui sống, không nhớ số tiền đóng hui. Nếu tính 07 kỳ hui chết thì bà N nợ bà 35.000.000đ.

Dây 2: Mở ngày 15/4/2020 âm lịch, loại hui 5.000.000đ, gồm 19 chung, ba tháng khai 01 kỳ, bà tham gia 01 chung, đóng được 06 kỳ hui sống, không nhớ số tiền đóng hui. Nếu tính 06 kỳ hui chết thì bà N nợ bà 30.000.000đ.

Dây 3: Mở ngày 30/4/2020 âm lịch, loại hui 2.000.000đ, gồm 36 chung, một tháng khai 01 kỳ, bà tham gia 01 chung, đóng được 18 kỳ hui sống, không nhớ số tiền đóng hui. Nếu tính 18 kỳ hui chết thì bà N nợ bà 36.000.000đ.

Từ nội dung trên, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà tổng số tiền của 03 chung hui trên là 101.000.000đ, cộng với 2.000.000đ bà N

đã nợ bà trước đó, tổng cộng là 103.000.000đ. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu khoản nào khác.

\* Quá trình hòa giải vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà làm chủ hội, có mở nhiều dây hội, bà Nguyễn Thị L là hội viên, có tham gia 03 chung hội trong 03 dây hội như bà L trình bày là đúng. Dây hội thứ 1 bà L đóng hội sống được 21.590.000đ, dây hội này đến ngày 20/9/2024 mới mãn hội. Dây hội thứ 2 bà L đóng hội sống được 19.300.000đ, dây hội này đến ngày 15/9/2024 mới mãn hội. Dây hội thứ 3 bà L đóng hội sống được 22.910.000đ, dây hội này đến ngày 05/3/2023 mới mãn hội. Tổng số tiền bà L đóng hội sống của 03 chung hội trong 03 dây hội trên là 63.800.000đ, bà còn nợ bà L 2.000.000đ trước đó, tổng cộng là 65.800.000đ.

Nếu bà L đợi đến mãn hội thì bà đồng ý trả cho bà L số kỳ đóng hội tính theo chung hội chết, tổng số tiền 101.000.000đ. Trường hợp bà L không đồng ý thì bà trả lại cho bà L số tiền hội sống bà L đã đóng là 63.800.000đ nhưng phải trả dần chứ không trả một lần.

Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà N trả lại cho bà tổng số tiền 65.800.000đ, không yêu cầu khoản nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền và loại việc các bên tranh chấp là giao dịch hội nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn đặt ra được xác định là giao dịch về hội. Việc thỏa thuận giao dịch này được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có danh sách, hợp đồng chơi hội, được tất cả các thành viên trong dây hội thống nhất, có giao kèo chơi hội, định mức giao nộp, thời gian mở hội, chung hội. Quá trình tham gia chơi hội, bà L đã đóng hội sống được một thời gian thì ngưng, do bà cho rằng đã hốt các chung hội trước đó nhưng bà N không chung nên bà không tiếp tục đóng các chung hội sau. Xét thấy, trong các dây hội khác bà N có vi phạm hợp đồng chơi hội và bà L đã khởi kiện, còn trong 03 dây hội này, bà L đang tham gia nhưng không thực hiện nghĩa vụ đóng hội đầy đủ, đã vi phạm hợp đồng chơi hội nên có cơ sở để chấp nhận thanh lý hợp đồng.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao dịch hội trên thực tế là có diễn ra, được xác lập trên tinh thần thỏa thuận tự nguyện, có tất cả các thành viên của các dây hội xác nhận. Quá trình tham gia chơi hội, bà L đã đóng hội sống của 03 chung hội trong 03 dây hội với tổng số tiền 63.800.000đ. Điều này được các bên thừa nhận, do đó, việc bà L yêu cầu bà N có nghĩa vụ trả lại cho bà L số tiền 63.800.000đ cộng với 2.000.000đ tiền nợ trước đó là có cơ sở chấp nhận.

[4] Song, vấn đề các bên không thống nhất là thời gian và phương thức thanh toán nợ. Bà L yêu cầu bà N thanh toán một lần, bà N chỉ đồng ý thanh toán dần cho đến khi dứt nợ. Xét thấy, việc thanh toán toàn bộ một lần hay thanh toán dần thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Cơ quan thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[5] Bà N có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán nợ cho bà L nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà L không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường;
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L – buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả lại cho bà L tổng số tiền 65.800.000đ (*Sáu mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 3.290.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí, ngày 02 tháng 6 năm 2022, bà L đã nộp tạm ứng án phí 2.775.000đ theo biên lai số: 4901 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T, tỉnh Cà Mau;
- CCTHADS huyện T
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**Hứa Minh Hải**